TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2024/HS-ST
Ngày 29-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Danh Mỹ Hạnh** và Bà **Nguyễn Hải Anh**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoài Khanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 về tội "Giữ người trái pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Lâm Chí T** (Tửng Anh), sinh ngày 01/01/1979 tại Kiên Giang; NCT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Văn X, sinh năm 1944 và bà Phan Kim L, sinh năm 1948; Vợ là Võ Thị Th2, sinh năm 1975 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân bị cáo: Vào năm 2005 bị cáo bị Uỷ ban nhân dân tỉnh Kiên Giang áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời gian 24 tháng, tại Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 22/02/2005 về hành vi "Gây rối trật tự công cộng". Vào năm 2016 bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử phạt 8.000.000 đồng về tội "Buôn bán hàng cấm", tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2016/HSST ngày 02/02/2016; Vào năm 2021 bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt 40.000.000 đồng về tội "Đánh bạc", tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2021/HS-ST ngày 11/3/2021; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đến ngày

15/01/2024 bị cáo được cho bảo lãnh tại ngoại để điều tra (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. **Trương Minh Thanh D**, sinh ngày 07/3/1999 tại Kiên Giang; NCT: Khu dân cư Đ, xã L, huyện G, tỉnh K; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Minh S (chết) và bà Nguyễn Thị Mộng Q, sinh năm 1982; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân bị cáo: Vào năm 2020 bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 12 tháng, tại Quyết định số 22/QĐ-TA ngày 18/9/2020 về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý"; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đến ngày 15/01/2024 bị cáo được cho bảo lãnh tại ngoại để điều tra (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. **Nguyễn Văn Th**, sinh ngày 01/3/2001 tại Quảng Nam; NCT: Tổ 5, Thôn 2A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn T2 B, sinh năm 1958 và bà Võ Thị T3, sinh năm 1968; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

1/ Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1977 (chết)

Người đại diện theo uỷ quyền cho gia đình bị hại ông N: Chị **Lê Thị Bích P**, sinh năm 1999 (con ruột con N) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NCT: 65/4A ấp 10, xã T, huyện C, TP. H

2/ Anh **Danh L**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

NCT: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh K

3/ Anh **Danh H**, sinh năm 1991 (chết)

Người đại diện theo uỷ quyền cho gia đình bị hại anh Danh H: Chị **Thị Si M**, sinh năm 1986 (chị ruột anh H) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NCT: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh K

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Võ Thị Th2**, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K

Người tham gia tố tụng khác: Ông **Cù Văn T2**, là người làm chứng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Chí T làm nghề môi giới cho ngư phủ đi ghe biển ở khu vực cảng cá Tắc Cậu. Bằng việc cho mượn tiền rồi buộc người mượn phải ở lại nhà T để chờ ngày xuống ghe đi biển, T giao Nguyễn Văn Th, Trương Minh Thanh D quản lý, kiểm soát những người này, hạn chế việc đi lại ra khỏi nơi ở là nhà của T bằng cách muốn đi đâu thì những người này phải hỏi Th và D để Th và D xin ý kiến T khi nào cho đi mới được đi, việc đi lại cũng phải do Th và D chở đi khi nào xong việc thì chở về nhà T buộc ở đó, đêm ngủ thì Th, D hoặc T sẽ khoá trái cửa bên trong tránh việc bỏ trốn. Nhóm T cũng đe dọa nếu bỏ trốn khi bắt được sẽ đánh đập nhốt vào phòng nếu những trường hợp không đi ghe thì phải đi làm hồ hàng ngày lấy tiền trả cho T đến khi nào hết nợ mới cho về.

Vào ngày 24 tháng 9 năm 2023, ông Lê Văn N cư ngụ tại thành phố Hồ Chí Minh đến gặp T nhờ giới Th2ệu cho đi ghe biển, T đồng ý và cho N mượn 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân và chờ ngày lên ghe với điều kiện là N phải ăn, ở tại nhà T và không được phép đi đâu khỏi nhà. Đến ngày 26 tháng 9 năm 2023 T tiếp tục cho ông N mượn thêm 5.000.000 đồng nữa. Ngày 08 tháng 10 năm 2023 T giới Th2ệu cho N xuống ghe Như Ngọc để đi biển. Đến ngày 28 tháng 10 năm 2023 N xin vào bờ do làm không nổi, T kêu Danh Thanh Phong, Nguyễn Văn Th chở N về nhà T, tại đây T đã dùng chân có mang giầy đá vào vùng sườn bên phải của N 03 cái, tát vào vùng mặt, Phong và D dùng tay đánh nhiều cái vào người N, Võ Thị Th2 (vợ T) dùng ống nhựa đánh vào tay N. T buộc N phải ở nhà T đi làm kiếm tiền về trả cho T dưới sự trông coi, quản lý của Nguyễn Văn Th và Trương Minh Thanh D, N muốn đi đâu hay làm gì phải chịu sự kiểm soát của Th và D. Do bị nhóm của T giữ trái pháp luật, không bỏ trốn được nên rạng sáng ngày 02 tháng 11 năm 2023 N đã treo cổ tự sát tại phòng tắm nhà T tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K. Tại thời điểm lực lượng Công an tiếp nhận vụ việc N tự sát chết, kiểm tra tại nhà T đang giữ trái pháp các ngư phủ gồm Danh L, Đặng Hải D, Nguyễn Thanh Hùng, Danh Chẳn và Danh H.

Tại bản Kết luận giám định tử Th2 số: 1124/KL-KTHS ngày 01/12/2023 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận nguyên nhân tử vong của ông Lê Văn N do ngạt treo cổ.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 938/KLTgTHS-PY ngày 08/12/2023 của T tâm pháp y tỉnh Kiên Giang với ông Lê Văn N như sau:

1. Các kết quả chính:

- Qua nghiên cứu Biên bản khám nghiệm tử Th2 hoặc một phần tử Th2 số 179/KN-2023 và Bản ảnh tử Th2 số: 179/KL-2023 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang thấy các tổn thương sau:

+ Chấn thương phần mềm bầm tụ máu vùng cánh tay trái.

+ Chấn thương bầm tụ máu da, dưới da và cơ vùng mạn sườn (ngực) trái, gãy kín xương sườn IV, V, VI bên trái.

2. Kết luận:

2.1 Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Lê Văn N qua biên bản khám nghiệm tử Th2 hoặc một phần tử Th2 và bản ảnh tử Th2 ngày 02/11/2023 là: 09% (chín phần trăm).

2.2 Vật gây thương tích: Vật tày./.

Tại bản cáo trạng số: 66/CT-VKS-CT ngày 12/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Lâm Chí T, Trương Minh Thanh D và Nguyễn Văn Th về tội: "Giữ người trái pháp luật" theo điểm c khoản 3 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo với tội danh nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 157; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lâm Chí T** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

2/ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 157; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trương Minh Thanh D** từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

3/ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 157; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Th** từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 ống nhựa hình chữ "Z" kích thước 0,4m x 0,15m x0,1m, đường kính 2,1cm; 01 võng nằm không có dây buộc; 01 ghế nhựa màu đỏ kích thước 26cm x 19cm x 12cm; 01 sợi dây màu trắng dài 1,7m, đường kính 1,2cm; 01 sợi dây màu trắng dài 02cm, đường kính 1,2cm; 01 đôi dép bít mũi màu nâu, dài 25,5cm, phần đế dép có dòng chữ "Fasshion Nông Thành nâng niu bàn chân Việt", đã qua sử dụng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Lâm Chí T làm nghề môi giới cho ngư phủ đi ghe biển tại khu vực Cảng cá Tắc Cậu thuộc xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình hành nghề T có giao cho Nguyễn Văn Th và Trương Minh Thanh D quản lý, kiểm soát các ngư phủ có ứng tiền đi ghe biển, hạn chế không cho họ đi khỏi nhà, nếu muốn đi đâu thì phải được sự đồng ý của T, đêm ngủ thì Th, D hoặc T sẽ khoá trái cửa bên trong tránh việc bỏ trốn. Vào ngày 24/9/2023 ông Lê Văn N đến gặp T và nhờ T giới Th2ệu đi ghe biển đồng thời tạm ứng của T 10.000.000 đồng để chi xài cá nhân thì được T đồng ý với điều kiện ông N phải ở tại nhà T và không được đi đâu. Đến ngày 08/10/2023 ông N được T giới Th2ệu cho xuống ghe Như Ngọc để đi biển nhưng do làm không nổi nên ngày 28/10/2021 ông N xin vào bờ. T sai Th chở ông N về nhà T, tại đây T đã đánh đập ông N, sau đó giao ông N cho Th và D quản lý, kiểm soát không cho ông N đi đâu mục đích để tìm việc cho ông N làm kiếm tiền trả nợ cho T. Do không có tiền để trả và cũng không bỏ trốn được nên vào sáng ngày 02/11/2023 ông N đã treo cổ tự tử tại phòng tắm nhà T. Ngoài ra, tại thời điểm lực lượng Công an xuống kiểm tra tại nhà T còn phát hiện T đang giữ người đối với anh Danh L và anh Danh H.

Căn cứ theo quy định pháp luật thì hành vi của các bị cáo Lâm Chí T, Trương Minh Thành D và Nguyễn Văn Th đã đủ yếu tố cấu thành tội "Giữ người

trái pháp luật" được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 157 Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng mà VKS nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã trực tiếp xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang lo sợ cho các ngư dân sinh sống bằng nghề đi ngư phủ và là nguyên nhân gây mất an ninh trật tự tại đại P nơi xảy ra vụ án.

Xét hành vi phạm tội của từng bị cáo HĐXX nhận định như sau:

3.1 Đối với bị cáo T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi giữ người là sai trái và vi phạm pháp luật nhưng trong quá trình hành nghề môi giới cho các ngư phủ đi ghe biển, bị cáo lại trang bị nhà và có người trông giữ các ngư phủ đã ứng tiền của bị cáo, không cho họ được tự do đi lại, muốn đi đâu, làm gì thì phải được sự đồng ý của bị cáo, nếu không thì sẽ bị đánh đập và nhốt vào phòng. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần cũng như về thể xác của bị hại, làm cho bị hại lâm vào bế tắc dẫn đến tự sát. Bị cáo với vai trò chính là người chủ mưu chỉ đạo bị cáo D và Th thực hiện hành vi phạm tội và hành vi của bị cáo đã gây dư luận xấu trong xã hội, gây bức xúc cho người dân nên hành vi này cần phải được xử lý nghiêm và cao hơn các bị cáo còn lại mới đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

3.2 Còn đối với các bị cáo D và Th là người trưởng thành nhận thức rõ việc T chỉ đạo các bị cáo quản lý trông coi cũng như giám sát việc đi lại ăn ở của các ngư phủ không cho họ tự do đi lại là hành vi sai trái và vi phạm pháp luật. Thế nhưng các bị cáo không từ chối mà lại làm theo sự chỉ đạo của bị cáo T, không nghỉ gì đến hậu quả gây ra. Chính sự giúp sức, tiếp tay của các bị cáo đã tạo điều kiện thuận lợi để T thực hiện hành vi phạm tội được hoàn thành. Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo T đã gây ra. HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án nghiêm và cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

4.1 Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo có không có tình tiết tăng nặng được quy định Điều 52 Bộ luật hình sự.

4.2 Về nhân thân: Các bị cáo T và D là người có nhân thân xấu. T đã từng nhiều lần có tiền án và tiền sự, còn D thì đã từng bị xử phạt hành chính.

4.3 Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và sau khi phạm tội các bị cáo

đã tích cực khắc phục hậu quả cho các bị hại và các bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng chung các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX sẽ áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét cho các bị cáo khi lượng hình là có căn cứ đúng pháp luật. Riêng bị cáo Th là người có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự nên cần xem xét mức án của bị cáo nhẹ hơn so với T và D là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra các bị cáo đã khắc phục cho các bị hại cụ thể như sau: Khắc phục cho người đại diện theo uỷ quyền cho gia đình bị hại ông Lê Văn N là chị Lê Thị Bích Phượng số tiền 150.000.000 đồng, khắc phục cho bị hại anh Danh L số tiền 5.000.000 đồng và khắc phục cho bị hại anh Danh H số tiền 4.000.000 đồng. Do chị P, người đại diện theo uỷ quyền cho gia đình anh H và anh L không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với 01 ống nhựa hình chữ "Z" kích thước 0,4m x 0,15m x0,1m, đường kính 2,1cm; 01 võng nằm không có dây buộc; 01 ghế nhựa màu đỏ kích thước 26cm x 19cm x 12cm; 01 sợi dây màu trắng dài 1,7m, đường kính 1,2cm; 01 sợi dây màu trắng dài 02cm, đường kính 1,2cm; 01 đôi dép bít mũi màu nâu, dài 25,5cm, phần đế dép có dòng chữ "Fasshion Nông Thành nâng niu bàn chân Việt", đã qua sử dụng đây là vật chứng thu giữ trong vụ án đến nay không còn giá trị sử dụng nên cần xử tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[8] Về những vấn đề khác:

8.1 Đối với việc Lâm Chí T, Danh Thanh Phong, Võ Thị Th2 và Trương Minh Thanh D đã có hành vi đánh gây thương tích cho ông Lê Văn N 09%. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra người đại diện theo uỷ quyền cho gia đình bị hại ông Lê Văn N là chị Lê Thị Bích P có đơn không yêu cầu xử lý hình sự đối với những người này nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành không ra quyết định truy tố đối với hành vi trên là có căn cứ nên HĐXX không xem xét.

8.2 Đối với ông Cù Văn T2 trong quá trình điều tra xác định ông T2 là người làm thuê chỉ ở nhà T để trông coi tài sản, ghi sổ sách và bán nước uống nên chưa đủ căn cứ để xác định có vai trò đồng phạm với T nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh: Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 157; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lâm Chí T, Trương Minh Thanh D và Nguyễn Văn Th phạm tội "Giữ người trái pháp luật".

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo **Lâm Chí T 02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2023 cho đến ngày 15/01/2024.

2.2 Xử phạt bị cáo **Trương Minh Thanh D 02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2023 cho đến ngày 15/01/2024.

2.3. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Th 02** (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2024.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn Th (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo Th2 hành án.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu huỷ 01 ống nhựa hình chữ "Z" kích thước 0,4m x 0,15m x0,1m, đường kính 2,1cm; 01 võng nằm không có dây buộc; 01 ghế nhựa màu đỏ kích thước 26cm x 19cm x 12cm; 01 sợi dây màu trắng dài 1,7m, đường kính 1,2cm; 01 sợi dây màu trắng dài 02cm, đường kính 1,2cm; 01 đôi dép bít mũi màu nâu, dài 25,5cm, phần đế dép có dòng chữ "Fasshion Nông Thành nâng niu bàn chân Việt", đã qua sử dụng, theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 51/QĐ-VKS-CT ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Buộc các bị cáo Lâm Chí T, Trương

Minh Thanh D và Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị hại và người đại diện theo uỷ quyền cho gia đình bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo; bị hại; NĐDHPCGĐBH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong